

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Tien C, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A, Tổ B, khu phố C, phường D, thành phố E, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyen Thi My T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số H, đường N, Tổ 85, Khu phố I, phường K, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Tien C trình bày:

Ông Phạm Tien C và bà Nguyen Thi My T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thị xã (nay là thành phố) E, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn ông Châu, bà T sinh sống tại số A, Tổ B, khu phố C, phường D, thành phố E, tỉnh Bình Dương. Đến năm 2014, vợ chồng mua thêm căn nhà tại số H, đường N, Tổ 85, Khu phố I, phường K, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do phải chăm sóc cho ba vợ nên bà T vừa sinh sống ở nhà tại D và vừa sống tại I, đồng thời bà T chuyển hộ khẩu từ D về I. Khoảng năm 2015, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà T về sinh sống tại I còn ông c và con gái sinh sống tại D. Đến tháng 04 năm 2023, ông c không còn liên lạc được với bà T. Ông c và bà T đã ly thân từ lâu, vợ chồng không còn

hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà Tuyền.

Ông Phạm Tien C và bà Nguyễn Thị My T có 01 con chung tên Phạm Hoàng Tram A, sinh ngày 02/06/2013. Từ nhỏ đến nay cháu A sống cùng với ông c nên ông c yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A. Ông c đang làm tại Công ty Vinamilk có thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị My T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị My T không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tien C, không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Phạm Tien C có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị My T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Phạm Tien C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Nguyễn Thị My T nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại các điều 51, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn bà Nguyễn Thị My T có nơi cư trú tại phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Nguyên đơn ông Phạm Tien C có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị My T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các điều 227,

228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tien C và bà Nguyen Thi My T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND thị trấn (nay là phường) D, huyện (nay là thành phố) E, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2011, quyền số 01/2010 ngày 28/5/2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Ông Phạm Tien C trình bày: Ông Phạm Tien C và bà Nguyen Thi My T phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhưng không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không hạnh phúc nên ông c yêu cầu được ly hôn với bà Nguyen Thi My T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bà T để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng bà T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Châu, điều này chứng tỏ bà T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa ông Phạm Tien C và bà Nguyen Thi My T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tien C về việc xin ly hôn với bà Nguyen Thi My T.

[2.2] Về con chung: Ông Phạm Tien C và bà Nguyen Thi My T có 01 con chung tên Phạm Hoang Tram A, sinh ngày 02/06/2013. Xét thấy, hiện nay cháu A đang sống cùng với ông C; ông c có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi con chung. Cháu A có nguyện vọng được sống cùng ông C. Do đó, giao cháu A cho ông c nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Phạm Tien C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); bà Nguyen Thi My T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tien C đối với bị đơn bà Nguyen Thi My T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tien C được ly hôn với bà Nguyen Thi My T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Hoang Tram A, sinh ngày 02/06/2013 cho ông Phạm Tien C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Tien C phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000933 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND P. D;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga